

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-PT

Ngày: 15 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh L: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 364/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2022/QĐ-PT ngày 17/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 21/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 70/2022/QĐ-PT ngày 15/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 94/2022/QĐ-PT ngày 12/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 123/2022/QĐ-PT ngày 28/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 150/2022/QĐ-PT ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 151/2022/QĐ-PT ngày 31/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 168/2022/QĐ-PT ngày 15/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 197/2022/QĐ-PT ngày

30/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 228/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Số 108 T, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng T:

Ông Trần Minh B; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T; địa chỉ: Số 108 T, quận H, Thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T:

1/. Ông Nguyễn Tiến V; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Thành phố H; địa chỉ: Số 79A H, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H. Vắng mặt.

2/. Ông Nguyễn Văn D; chức vụ: Cán bộ Phòng Quản lý và xử lý nợ - Ngân hàng T; địa chỉ: Số 108 T, quận H, Thành phố H. Có mặt.

3/. Ông Ngô Quang V; chức vụ: Cán bộ Phòng Quản lý rủi ro và nợ có vấn đề - Ngân hàng T - Chi nhánh Thành phố H; địa chỉ: Số 79A H, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2022.

Bị đơn: 1/. Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 32 N, Phường 1, thành phố Đ; địa chỉ liên lạc: Số 255 P, Phường 2, thành phố Đ. Có mặt.

2/. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 63 H, Phường 5, thành phố Đ. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng T (do ông Ngô Quang V là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 20/3/2018, Ngân hàng T ký hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH) với nội dung cho ông K, bà H vay số tiền 40.000.000.000đ (bốn mươi tỷ đồng). Mục đích cho vay là để thanh toán chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ. Thời hạn vay là 180 tháng; lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh; phương thức trả nợ là tiền lãi trả vào ngày 10 hàng tháng, còn tiền gốc trả nợ theo thời hạn quy định tại lịch trả nợ.

Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 18.2870073/2018/HĐBĐ/NHCT900 ngày 19/3/2018 tại Văn phòng công chứng

Vạn Tin; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL482894 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H ngày 16/3/2018, đất có diện tích 716,52m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 (C69-IV-B-a) tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ. Do bà H, ông K đã vi phạm hợp đồng cho vay, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Vì vậy, Ngân hàng T yêu cầu bà H, ông K thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2021 là 47.556.079.860đ. Trong đó, nợ gốc là 39.390.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; tiền lãi phạt là 57.762.873đ, yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Đăng K trình bày:

Ông bà có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh Thành phố H số tiền 40.000.000.000đ (bốn mươi tỷ đồng), tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên ông bà đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông bà đồng ý thanh toán số tiền nợ quá hạn tính đến ngày 10/10/2019 là 801.064.650đ chậm nhất đến ngày 30/10/2019.

Đối với số dư nợ gốc còn lại là 39.390.000.000đ và nợ lãi phát sinh từ dư nợ gốc này, từ tháng 11/2019 ông bà cam kết sẽ tiếp tục thực hiện việc trả nợ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH) cho đến khi thực hiện xong hợp đồng cho vay trên.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành hòa giải thành vào ngày 10/10/2019 nhưng ngày 14/10/2019, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng là ông Nguyễn Tiến V có đơn thay đổi ý kiến không thống nhất với biên bản hòa giải ngày 10/10/2019 với lý do cho Ngân hàng tiếp tục hòa giải với ông K, bà H để giải quyết toàn bộ vụ án. Ngày 17/10/2019, Tòa án nhận được đơn thay đổi của ông K, bà H với nội dung ông K, bà H không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng trong biên bản hòa giải ngày 10/10/2019. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đ tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H.

Buộc ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 24/6/2021 là 47.556.079.860đ. Trong đó, nợ gốc là 39.390.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; tiền lãi phạt là 57.762.873đ.

Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 18.2870073/2018/HĐBĐ/NHCT900 ngày 19/3/2018 lập tại Văn phòng công chứng Vạn Tin; diện tích đất 716,52m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 (C69-IV-B-a) địa chỉ: số 255 P, Phường 2, thành phố Đ, đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL482894, ngày 16/3/2018 đứng tên ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H.

Kể từ ngày 25/6/2021, ông K, bà H phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH) ngày 20/3/2018, tại thời điểm thanh toán đối với số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/7/2021 và ngày 21/7/2021, bị đơn ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Ông K, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, đề nghị xem xét lại số tiền nợ gốc 39.390.000.000đ, tiền lãi trong hạn 8.108.316.987đ, tiền lãi phạt 57.762.873đ. Xem xét về thủ tục tố tụng liên quan đến việc tổng đạt quyết định xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm cho bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn không được tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn. Việc bị đơn ủy quyền là hợp lệ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ủy quyền nhưng không thông báo cho bị đơn biết lý do không chấp nhận ủy quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông K, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Nguyên đơn ngân hàng (do ông D,

ông V là người đại diện theo ủy quyền) không kháng cáo và không đồng ý đối với kháng cáo của ông K, bà H; đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông K, bà H; hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Đăng K thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2021 là 47.556.079.860đ. Trong đó, nợ gốc là 39.390.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; tiền lãi phạt là 57.762.873đ, yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Còn bị đơn ông K, bà H thừa nhận có vay của ngân hàng 40.000.000.000đ nhưng đã trả được một phần nợ gốc và hiện chỉ còn nợ 39.390.000.000đ nợ gốc nhưng do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên ông bà đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng. Nay Ngân hàng T khởi kiện thì ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị đơn ông K, bà H:

Theo hợp đồng cho vay (bút lục số 17-22) thể hiện: Ngày 20/3/2018, Ngân hàng T ký hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH) với nội dung cho bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Đăng K vay số tiền 40.000.000.000đ (bốn mươi tỷ đồng). Mục đích cho vay sử dụng để thanh toán (bao gồm cả việc bù đắp) chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố

Đ và để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty TNHH Thiên Sang DALAT.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của Ngân hàng cung cấp hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2018/HĐHTKD ngày 02/3/2018 được ký kết giữa công ty TNHH Thiên Sang DALAT (do ông Nguyễn Huy Hoàng là người đại diện hợp pháp ký) và bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Đăng K với nội dung ông K, bà H tự nguyện góp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ để cùng nhau hợp tác kinh doanh khai thác khách sạn Sen Vàng và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ 1/9. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ cũng chính là tài sản ông K, bà H đang thế chấp tại ngân hàng để vay số tiền 40.000.000.000đ. Trong hợp đồng vay cũng thể hiện nội dung mục đích cho vay là để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty TNHH Thiên Sang DALAT. Việc ông K, bà H hợp tác với công ty TNHH Thiên Sang DALAT là được thực hiện trước khi ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, hợp đồng hợp tác này phía người đại diện hợp pháp của Ngân hàng cũng xác nhận là có biết và hợp đồng hợp tác này được lưu tại Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm lại không xác minh làm rõ và không đưa công ty TNHH Thiên Sang DALAT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình thi hành án.

Đối với kháng cáo về thủ tục niêm yết:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử; các quyết định hoãn phiên tòa có ghi rõ thời gian, địa điểm xét xử vụ án. Tất cả các quyết định này đã được Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản tổng đạt, biên bản niêm yết đối với bị đơn ông K là hợp lệ và được lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với ông Nguyễn Xuân Thành là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông K đã được Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định ủy thác số 344/QĐ-UTTA ngày 26/5/2021 cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để Tòa án nhân dân thành phố Vinh tổng đạt quyết định hoãn cho ông Thành nhưng trong hồ sơ lại không thể hiện kết quả thực hiện việc ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Vinh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định đối với người đại diện theo ủy quyền của ông K là ông Thành thì Tòa án không tổng đạt được giấy triệu tập nên đã lập thủ tục niêm yết nhưng tại phiên tòa vắng mặt. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là thiếu căn cứ.

Đối với bị đơn bà H: Theo sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là bà Hồ Thị Thu H thể hiện bà H có hộ khẩu thường trú tại số 32 N, Phường 1, thành phố Đ (bút lục số 07-08).

Theo Biên bản xác minh ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ tại Công an Phường 1, thành phố Đ thể hiện bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 32 N, Phường 1, thành phố Đ, bà H hiện không ở nhà tại địa chỉ trên (bút lục số 46).

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Đ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông K, bà H tại số 255 P, Phường 2, thành phố Đ thể hiện: Tại buổi làm việc, có mặt ông K, bà H ở nhà nhưng ông K, bà H không xuống làm việc (bút lục số 53).

Theo bản tự khai ngày 22/8/2019 của bà H thể hiện bà H khai bà H đang trú tại số 255 P, Phường 2, thành phố Đ (bút lục số 60).

Như vậy, đối với trường hợp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H thì cần thực hiện thủ tục tổng đạt đến địa chỉ liên lạc của bà H là số 255 P, Phường 2, thành phố Đ (bút lục số 60). Trường hợp nếu không thể tổng đạt được cho bà H tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ (bút lục số 60) thì Tòa án cần phải thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật đối với nơi cư trú cuối cùng của bà H là số 32 N, Phường 1, thành phố Đ.

Như vậy, bà H có nơi cư trú, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cụ thể và được công an xác nhận. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Đ lại xác định do bà H không có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên không tổng đạt và không niêm yết được là không có căn cứ.

Đối với ông Trần Lê Huy là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H: Tại giấy ủy quyền ngày 25/5/2021 thể hiện nội dung bà H ủy quyền cho ông Huy tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp. Trong giấy ủy quyền có thể hiện rõ địa chỉ của ông Huy là xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định đối với người đại diện theo ủy quyền của bà là ông Huy không có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên không tổng đạt, niêm yết được. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là thiếu căn cứ.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Thành, bà H, ông Huy một cách hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Việc không tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho bà H, ông Huy, ông Thành là vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 170 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đối với kháng cáo về số tiền nợ gốc: Theo hợp đồng cho vay (bút lục số 17-22) thể hiện: Ngày 20/3/2018, Ngân hàng T ký hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH) với nội dung cho bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Đăng K vay số tiền 40.000.000.000đ (bốn mươi tỷ đồng). Mục đích cho vay sử dụng để thanh toán (bao gồm cả việc bù đắp) chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 255 P, Phường 2, thành phố Đ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty TNHH Thiên Sang DALAT. Thời hạn vay là 180 tháng; lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh; phương thức trả nợ; tiền lãi trả vào ngày 10 hàng tháng; tiền gốc trả nợ theo thời hạn quy định tại lịch trả nợ. Như vậy, mỗi tháng ông K, bà H phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng, nếu vi phạm thì ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ số tiền vay trước hạn theo hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV/NHCT900 (văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 18.2870073/2018-HĐCV-SĐBS1/NHCT900-HTTH). Ông K, bà H mới chỉ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 610.000.000đ, hiện ông K, bà H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 39.390.000.000đ và lãi phát sinh từ số dư nợ gốc này. Do đó, ngày 16/5/2018; ngày 25/7/2018; ngày 06/11/2018; ngày 07/11/2018 và ngày 26/02/2019 Ngân hàng T đã lập 05 biên bản làm việc với ông K, bà H trong đó thể hiện nội dung bà H cam kết sẽ thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay ông K, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng. Do đó, ông K, bà H đã vi phạm hợp đồng cho vay, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông K, bà H thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi phạt theo thỏa thuận của hợp đồng cho vay nêu trên là có căn cứ.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 10/10/2019 thể hiện nội dung cả phía đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng và bị đơn ông K, bà H đều xác định số tiền nợ gốc tính đến thời điểm ngày 10/10/2019 là 39.390.000.000đ. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền nợ gốc mà ông K, bà H còn nợ ngân hàng là 39.390.000.000đ và Tòa án buộc ông K, bà H phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông K về nội dung này.

Đối với kháng cáo về số tiền lãi trong hạn và lãi phạt:

Theo văn bản số 2579/CNTPHCM-BL ngày 24/6/2021 của Ngân hàng thương mại công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố H thể hiện, tính đến hết ngày 24/6/2021 thì nợ gốc là 39.390.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; lãi phạt là 57.762.873đ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, tính toán lại việc Ngân hàng thương mại công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố H yêu cầu trả số nợ lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; lãi phạt là 57.762.873đ có đúng với mức lãi suất điều chỉnh trong hợp đồng vay chưa và việc tính toán lãi cụ thể như thế nào cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tính toán bằng bảng tính chi tiết mà chỉ căn cứ vào văn bản xác định số tiền nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt mà ngân hàng cung cấp để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng để buộc ông K, bà H trả số nợ lãi trong hạn là 8.108.316.987đ; lãi phạt là 57.762.873đ là chưa đủ cơ sở vững chắc. Việc buộc ông K, bà H trả số tiền lãi trong hạn, lãi phạt nêu trên chỉ dựa trên số liệu mà ngân hàng cung cấp mà không có bảng đối chiếu giữa các bên, không có bảng chiết tính cụ thể về thời gian và mức lãi suất trong hạn cũng như thời gian và mức lãi phạt là chưa phù hợp, chưa đảm bảo tính khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông K, bà H.

Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc niêm yết, tổng đạt và chưa tính toán chính xác đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông K, bà H, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn ông K, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông K, bà H đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đăng K, bà Hồ Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông K, bà H mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông K, bà H đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0007120 ngày 15/9/2021 và số 0007121 ngày 09/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Đ (02);
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Những người tham gia tố tụng (05);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân